

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/HNGĐ-PT

Ngày: 08-10-2018

“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các thẩm phán:

Ông Lại Anh Vân.

Ông Nguyễn Mạnh C.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Quyên-
Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 8 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 27/2018/TLPT-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018, về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"*.

Do bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 16/2018/HNGĐ-ST ngày 17/5/2018 của Toà án nhân dân thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2018/QĐ-PT ngày 27 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1990.

ĐKKHKT: phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Hiện trú tại: Thôn C, xã A, huyện G, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đức C, sinh năm 1986.

ĐKKHKT và cư trú tại: phố M, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Người kháng cáo: Anh Nguyễn Đức C (Bị đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN

**Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – Chị Nguyễn Thị Y trình bày:* Chị và anh C được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố H vào ngày 11/4/2014. Sau khi kết hôn chị về sống tại gia đình anh C tại phố M, phường T, thành phố H. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn bắt nguồn từ việc bất đồng quan điểm sống.

Đỉnh điểm sự việc mâu thuẫn vào ngày 02/10/2017, khi ăn cơm tại nhà chị Y, giữa anh C và mẹ chị Y là bà Đào Thị H có mâu thuẫn, lời qua tiếng lại. Anh C yêu cầu chị Y về lấy quần áo để về nhà mẹ đẻ ở còn anh C đưa con về T, thành phố H. Ngay sau đó mẹ chị đã đưa chị về gia đình anh C để nói chuyện với bố mẹ anh C nhưng bố mẹ anh C không cho chị ở lại. Đến ngày 04/10/2017 chị đã về thôn C, xã A, huyện G ở với bố mẹ đẻ. Từ đó đến nay chị và anh C không gặp nhau. Anh C ngăn cản không cho chị gặp con nên chị đã nộp đơn xin ly hôn anh C tại Tòa án nhân dân thành phố H, được Tòa án động viên nên chị đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Ngày 16/11/2017 Tòa án nhân dân thành phố H đã đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên sau đó tình cảm vợ chồng không được cải thiện, do vậy chị lại tiếp tục có đơn xin ly hôn anh C. Nay chị Y xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị Y và anh C có 01 con chung là Nguyễn Đức Tùng L, sinh ngày 13/3/2015, khi vợ chồng mâu thuẫn anh C và gia đình đã gây áp lực không cho chị chăm sóc nuôi dưỡng. Hiện cháu ở với anh C và đang học tại trường mầm non Tài Năng Việt. Mặc dù không được nuôi con nhưng chị vẫn thường xuyên đến trường học để chăm sóc con. Mỗi tháng anh C chỉ cho chị đón con hai lần cuối tuần vào thứ bảy và đưa con lại cho anh C vào thứ hai tuần sau (đưa con đến lớp mẫu giáo). Tuần nào anh C không đồng ý thì chị cũng không được gặp con. Do hiện nay cháu còn quá nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ, nên chị có nguyện vọng được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không có công sức đóng góp với gia đình anh C nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án- Bị đơn anh Nguyễn Đức C trình bày: Anh và chị Y được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố H vào ngày 11/4/2014. Sau khi kết hôn chị Y về sống cùng gia đình anh tại phố M, phường T, thành phố H. Trong quá trình chung sống vợ chồng có những mâu thuẫn nhỏ nhưng không đến mức trầm trọng. Ngày 02/10/2017 anh chị về nhà bố mẹ đẻ chị Y ăn cơm, vợ chồng không có mâu thuẫn. Buổi chiều cùng ngày mẹ chị Y có đến gia đình anh nói chuyện, sau đó chị Y bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống. Vợ chồng anh ly thân từ đó đến nay. Anh cũng đã gặp và trao đổi với chị Y về việc đoàn tụ nhưng chị Y không đồng ý và cương quyết xin ly hôn. Nay anh xác định vợ chồng không có mâu thuẫn nhưng đã sống ly thân được hơn 08 tháng, cả 2 đã chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Do vậy chị Y xin ly hôn anh cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Nguyễn Đức Tùng L, sinh ngày 13/3/2015, cháu L hiện sống ổn định cùng anh và gia đình. Anh cho cháu học trường mầm non Tài Năng Việt và dành mọi điều kiện tốt nhất cho cháu. Ly hôn anh xin được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu chị Y cấp dưỡng tiền nuôi con.

Việc chị Y có nguyện vọng được nuôi con anh không đồng ý. Vì với mức lương khoảng 3.000.000đ/01 tháng thì chị Y không thể dành cho con điều kiện sống tốt được. Ngoài ra chị Y còn làm ca đêm nên việc chăm con khó có thể chu đáo. Anh hiện tại làm nghề mộc, công việc ổn định, thu nhập từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ/ 01 tháng, có chỗ ở rộng rãi và đầy đủ tiện nghi. Bản thân anh vẫn tạo điều kiện cho chị Y gặp và đón con vào cuối tuần.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không cho ai vay nợ và không có công sức đóng góp gì. Do vậy anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 16/2018/HNGĐ-ST ngày 17/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định: Căn cứ Điều 55; 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự. Xử:

- Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Y xin ly hôn anh Nguyễn Đức C.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Đức C được thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Đức Tùng L, sinh ngày 13/3/2015 cho chị Nguyễn Thị Y chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Y không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/5/2018 anh Nguyễn Đức C kháng cáo xin được nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Y đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thư ký, Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của các bên đương sự cho thấy cả anh C và chị Y đều có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên cháu Tùng L hiện còn nhỏ (mới trên 36 tháng tuổi) nên cần sự chăm sóc của mẹ hơn. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Đức C, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Giao

cháu Nguyễn Đức Tùng L cho chị Nguyễn Thị Y nuôi dưỡng. Anh C có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của anh C, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ vào lời khai cũng như các tài liệu do anh C và chị Y xuất trình cho thấy cả 2 anh chị đều có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tùng L. Việc cả anh C, chị Y đều xin được nuôi con thể hiện sự quan tâm và trách nhiệm đối với con chung, điều này rất đáng trân trọng. Tuy nhiên khi xem xét về việc giao con cho ai nuôi dưỡng, Hội đồng xét xử không chỉ đánh giá về điều kiện nuôi con, mà cần xem xét một cách tổng thể, trên nguyên tắc đảm bảo tốt nhất cho cuộc sống hiện tại cũng như tâm lý của cháu. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ cũng như lời khai của các bên đương sự cho thấy cháu Tùng L hiện đang ở với bố và ông bà nội. Mặc dù cháu hiện đang có cuộc sống ổn định, tuy nhiên do cháu còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Về phía chị Y hiện đang có công việc ổn định. Ngoài thu nhập lương chính chị còn có thu nhập làm thêm. Bên cạnh đó bà Đào Thị H là mẹ đẻ của chị Y hiện đã nghỉ hưu nên có thời gian để cùng với chị Y chăm sóc cho cháu Tùng L. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã giao con cho chị Y nuôi dưỡng là có căn cứ. Trong quá trình nuôi con nếu chị Y không đảm bảo việc nuôi dưỡng cháu Tùng L thì anh C có quyền xin thay đổi nuôi con theo quy định của pháp luật

[2] Từ phân tích trên cho thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh C.

[3] Anh C kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 308; Điều 28, Điều 38, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Đức C.
- Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 16/2017/HNGĐ-ST ngày 17/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H về quan hệ con chung như sau:

Xử giao con Nguyễn Đức Tùng L, sinh ngày 13/3/2015 cho chị Nguyễn Thị Y chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Y không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Về án phí Hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Anh Nguyễn Đức C phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình phúc thẩm, nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh C đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ

phí Tòa án số AA/2016/0003496 ngày 31/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H. Anh C đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực thi hành.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền